

Số: /KH-MTTQ-BTT

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến tỉnh Sơn La giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến tỉnh Sơn La giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển nông nghiệp bền vững, gắn với công nghiệp chế biến là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp bền vững, gắn với công nghiệp chế biến.

- Việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU phải được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chỉ đạo thực hiện đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

II- NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Quan điểm

1.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhanh, bền vững, lấy nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là trung tâm, gắn kết với du lịch sinh thái, văn hóa; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tăng tính liên kết, hợp tác; tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu. Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án “Xây dựng Sơn La thành Trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Bắc”; hoàn thành xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La. Phấn đấu xây dựng tỉnh Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và lợi thế của từng địa phương; phát triển hệ sinh thái kinh tế nông nghiệp theo chuỗi đa giá trị bao gồm công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch, kinh tế carbon thấp; mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

Hỗ trợ tích cực và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững. Phát triển các làng nghề gắn với phát huy các giá trị văn hoá và bảo vệ môi trường.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng bình quân lĩnh vực nông nghiệp đạt khoảng 3,5 - 4%.
- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng từ 2,5 lần trở lên so với năm 2020.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 50,70%.
- Có 53% xã đạt chuẩn nông thôn mới (*tương ứng với 36 xã*).
- Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt từ 60% trở lên.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt ổn định 48,5% (*trong đó, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt ổn định theo quy định là 44,36%, cây ăn quả thân gỗ và cây phân tán quy đổi tính toán vào tỷ lệ độ che phủ rừng là 4,14%*).
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom theo quy định đạt 90% trở lên.
- Toàn tỉnh có 01 khu và 21 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Thu hút đầu tư thêm 3 - 5 nhà máy chế biến nông sản quy mô công nghiệp.
- Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông sản theo giá so sánh năm 2010 đạt 11.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 10%/năm trở lên.
- Giá trị sản phẩm nông sản chế biến tham gia xuất khẩu phấn đấu đạt 350 triệu USD trở lên.

1.3. Định hướng đến năm 2035

Nông nghiệp của tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững sinh thái, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản cơ bản hiện đại. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp được định hình ổn định, bền vững, các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đều theo chuỗi giá trị có sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm khoảng 70 - 80% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp của

cả tỉnh. Cơ bản hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đáp ứng các tiêu chí nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tổ chức lại sản xuất theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá, thúc đẩy liên kết chặt chẽ "6 nhà" (Nhà nước; Nông dân; Nhà khoa học; Doanh nghiệp; Ngân hàng; Nhà phân phối)

Tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng vùng, xã, phường theo 3 nhóm sản phẩm (*nhóm sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm đặc sản địa phương*) cùng với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các xã, phường và các tỉnh lân cận. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

2.1.1. Tập trung phát triển bền vững các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả đáp ứng yêu cầu thị trường, phục vụ công nghiệp chế biến

Định hình rõ địa bàn phát triển từng mặt hàng cây trồng chính của tỉnh để có cơ chế phát triển, quản lý, số hóa vùng trồng; lựa chọn, khảo nghiệm để đưa vào phát triển một số cây trồng mới có giá trị kinh tế cao để đa dạng hóa nông sản của tỉnh. Trong đó, định hướng nhiệm vụ:

*** Đối với vùng cây công nghiệp chính**

Cơ bản ổn định diện tích cà phê hiện có, tăng cường thâm canh, tăng năng suất, đẩy mạnh tái canh với các giống có chất lượng cao; có cơ chế khuyến khích, liên kết với cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống để nâng cao năng suất, chất lượng và ổn định vùng nguyên liệu; giảm dần diện tích tại các vùng có thổ nhưỡng, khí hậu không phù hợp, có nguy cơ sương muối, các vùng trồng thuộc đất quy hoạch phát triển lâm nghiệp; diện tích cà phê đến năm 2030 ổn định khoảng 30.000 ha, sản lượng quả tươi đạt 420.000 tấn, sản lượng cà phê nhân đạt 54.468 tấn.

Tăng cường thâm canh, tăng năng suất, chất lượng chè gắn với phát triển các sản phẩm chè sạch, chè hữu cơ; đến năm 2030 diện tích vùng chè duy trì 8.000 ha với sản lượng chè búp tươi 90.000 tấn.

Duy trì vùng nguyên liệu mía hiện có tại xã Mai Sơn, Yên Châu, Yên Sơn,... với diện tích khoảng 12.000 ha, đầu tư thâm canh, tăng năng suất cây trồng, rải vụn, sản lượng mía cây năm 2030 đạt 811.200 tấn.

Cơ cấu lại vùng nguyên liệu sản theo hướng áp dụng giống sản mới năng suất cao, hàm lượng bột cao; thâm canh, cải tạo đất. Tăng cường mối liên theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp chế biến, hợp tác xã thu gom, các hộ gia đình trồng

sản; đến năm 2030, diện tích trồng sản ổn định khoảng 44.500 ha; sản lượng sản củ đạt 596.300 tấn.

** Đối với cây ăn quả*

Phát huy tiềm năng lợi thế về đất đai, khí hậu để phát triển vùng nguyên liệu. Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ trong sản xuất giống, thâm canh, rải vụ, tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm. Phát triển các vùng cây ăn quả tập trung gắn với các cơ sở chế biến, đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Đến năm 2030, diện tích cây ăn quả toàn tỉnh ổn định 90.000 ha; sản lượng các loại quả đạt 750.000 - 800.000 tấn.

* Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong phát triển các vùng rau, hoa, cây gia vị đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, cung cấp cho các tỉnh đồng bằng Bắc bộ. Diện tích rau các loại năm 2030 ước đạt 15.000 ha, sản lượng 225.000 tấn đưa vào chế biến khoảng 400 tấn; có 500 ha sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, 120 ha sử dụng nhà màng, nhà lưới, 50 ha sử dụng công nghệ IoT trong quản lý, theo dõi cây trồng...

2.1.2. Phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường

Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung theo quy định của Luật Chăn nuôi; xây dựng và triển khai Đề án phát triển bền vững đàn bò sữa tại Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu; bố trí quỹ đất cho phát triển chăn nuôi quy mô trang trại lớn tại các xã phù hợp; tập trung xây dựng các vùng an toàn chăn nuôi; thu hút đầu tư các cơ sở chế biến tập trung tại một số địa bàn có điều kiện; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh. Có chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giảm dần đàn trâu, phát triển mạnh đàn bò thịt chất lượng cao, đàn bò sữa ổn định với năng suất cao và đàn lợn quy mô lớn, an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng sản xuất tập trung gắn với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp chế biến, thương mại và xuất khẩu. Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chăn nuôi đặc sản địa phương. Tăng cường áp dụng quy trình sản xuất an toàn sinh học, quản lý chất thải và bảo vệ môi trường, phát triển chăn nuôi bền vững.

Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại lòng hồ thủy điện, nhất là nuôi cá lồng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, gắn kết với phát triển du lịch, dịch vụ. Tăng cường bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên, ngăn chặn các hình thức khai thác mang tính hủy diệt; quản lý chặt chẽ các bãi cá đẻ và quần thể thủy sinh. Đẩy mạnh sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, mở rộng diện tích nuôi trồng áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nâng cao giá trị sản phẩm và sức cạnh tranh. Hình thành các cơ sở chế biến thủy sản quy mô phù hợp,

đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm đặc sản, xây dựng thương hiệu, hướng tới xuất khẩu.

2.1.3. Phát triển lâm nghiệp bền vững

Tổ chức quản lý, bảo vệ bền vững diện tích rừng hiện có, bảo đảm duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng; đồng thời nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, đáp ứng yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học, tăng cường chức năng phòng hộ đầu nguồn các công trình thủy điện trên sông Đà và đồng bằng Bắc Bộ, bảo vệ biên giới và phát triển môi trường sinh thái bền vững.

Bảo tồn và phát triển bền vững hệ thống 05 khu rừng đặc dụng, phòng hộ; đồng thời nghiên cứu đề xuất xác lập, công nhận Khu dự trữ sinh quyển thuộc khu vực hành lang đa dạng sinh học từ Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường La sang Khu rừng đặc dụng Tà Xùa trên địa bàn tỉnh Sơn La gắn với định hướng phát triển du lịch sinh thái bền vững trọng điểm của tỉnh.

Ưu tiên phát triển các loài cây lâm nghiệp đa mục tiêu, đặc biệt là Mắc ca và Sơn tra, xây dựng các mô hình làm giàu rừng; mở rộng mô hình trồng dược liệu dưới tán rừng gắn với phát triển vùng nguyên liệu tập trung, chế biến sâu và xuất khẩu. Hoàn thiện chuỗi giá trị Mắc ca từ giống, trồng, thu mua đến chế biến và tiêu thụ.

Phát huy toàn diện giá trị hệ sinh thái rừng, gắn kết bảo tồn đa dạng sinh học với phát huy chức năng sinh thái, kinh tế và xã hội của rừng. Tập trung mở rộng và nâng cao hiệu quả các dịch vụ sinh thái như chi trả dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, hấp thụ và lưu giữ carbon, bảo vệ nguồn nước; bảo đảm tái đầu tư hiệu quả cho công tác quản lý rừng và phát triển cộng đồng. Từng bước xây dựng và thí điểm cơ chế vận hành thị trường tín chỉ carbon rừng; khuyến khích phát triển lâm sản ngoài gỗ và các mô hình sinh kế bền vững cho người dân địa phương.

Hoàn thành công tác tổ chức thực hiện chuyển loại rừng theo quy hoạch (*rừng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất; rừng sản xuất chuyển sang rừng phòng hộ, đặc dụng*); đồng thời tập trung rà soát, cấp đổi Giấy chứng nhận đất rừng để đảm bảo đồng bộ dữ liệu về rừng và đất lâm nghiệp với hệ thống quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững

Tăng cường ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Quản lý tốt hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong cung ứng giống có chất lượng, sạch bệnh. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, nhập nội những giống có tình trạng tốt, phù hợp điều kiện của tỉnh; tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử

dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước, phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ.... Thực hiện quản lý Nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất, lưu thông, sử dụng các vật tư một cách minh bạch và hiệu quả.

Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực. Thực hiện tốt nhiệm vụ tốt việc hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (*kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...*) gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại. Xây dựng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, an toàn sản xuất. Kết nối giao thông và logistic giữa các vùng với thị trường hoặc cửa khẩu chính trên địa bàn tỉnh.

2.3. Thu hút đầu tư các cơ sở công nghiệp chế biến sản phẩm nông sản theo hướng tập trung, bền vững, thân thiện môi trường

Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính, tập trung cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các địa phương, vùng có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, tạo điều kiện hình thành động lực tăng trưởng cho các địa phương. Đầu tư mới một số nhà máy chế biến cà phê có quy mô trên 200 tấn quả tươi/ngày gắn với chế biến sâu tại địa bàn các khu chế biến công nghiệp các xã Mai Sơn, Thuận Châu, Chiềng La; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cà phê quả tươi được chế biến quy mô công nghiệp đạt trên 80%, có 10% sản lượng cà phê nhân được chế biến sâu, chế biến cà phê đặc sản.

Thu hút đầu tư mới dự án chế biến sâu các sản phẩm chè tại khu vực phường Vân Sơn, Thảo Nguyên, xã Vân Hồ. Phấn đấu sản lượng chè thương phẩm đạt 15.000 tấn, trong đó 15-20% sản phẩm chế biến sâu (*chè túi lọc, chè matcha, sencha, chè viên...*), khoảng 5% sản phẩm chè chế biến thủ công mang tính truyền thống tạo ra sản phẩm chè đặc sản có giá trị kinh tế cao, áp dụng cho vùng chè đặc sản như chè Tà Xùa, San Tuyết.. gắn với sản phẩm OCOP, phục vụ du lịch.

Duy trì Nhà máy đường tại xã Mai Sơn, nâng cấp dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; phấn đấu năm 2030, sản lượng đường của nhà máy đạt 78.500 tấn.

Nâng cao hoạt động 02 nhà máy sản xuất tinh bột sắn tại Mai Sơn, với công suất mỗi nhà máy 300 tấn tinh bột/ngày với dây chuyền sản xuất hiện đại, hệ thống xử lý nước thải, chất thải đảm bảo môi trường; nhà máy chế biến đường lỏng gluco từ sắn tại Khu Công nghiệp xã Mai Sơn với công suất 60.000 tấn đường gluco/năm; thu hút đầu tư 01 nhà máy chế biến sâu các sản phẩm biến thể từ sắn. Phấn đấu đến năm 2030, sản lượng tinh bột sắn ước đạt 130.000 tấn, các cơ sở chế biến công nghiệp chế biến trên 75% sản lượng sắn củ tươi.

Thực hiện hoạt động tối đa công suất các nhà máy chế biến rau, quả trên địa bàn, như: Nhà máy chế biến Chanh leo, rau, củ, quả xuất khẩu của Công ty CP Nafoods, Nhà máy chế biến, bảo quản nông sản công nghệ cao của Công ty IC Food Sơn La, Nhà máy chế biến rau quả và đồ uống công nghệ cao của Công ty CP chế biến thực phẩm công nghệ cao của Tập đoàn TH tại Vân Hồ, Trung tâm chế biến rau, quả xuất khẩu DOVECO tại xã Mai Sơn. Thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, tập đoàn chế biến có uy tín, kinh nghiệm và năng lực chế biến, xuất khẩu đầu tư các nhà máy chế biến rau, quả tại khu vực xã Yên Châu, xã Mường Bú, xã Thuận Châu với các sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm tiêu dùng cuối cùng. Khuyến khích phát triển mới các cơ sở chế biến rau, quả quy mô tiểu thủ công nghiệp với các sản phẩm đặc sản của địa phương, sản phẩm OCOP như sản phẩm quả sấy dẻo, ô mai, mứt, nước quả cô đặc, đồ uống lên men, nước ép rau, quả,...

Đẩy mạnh đầu tư các dự án chế biến sữa, các sản phẩm từ sữa của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu gắn với du lịch sinh thái nâng cao hiệu quả sản xuất chăn nuôi. Thu hút đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến thịt, thủy sản hiện đại tập trung đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chăn nuôi, thủy sản của tỉnh; mở rộng thị trường trong và ngoài nước; thu hút đầu tư cơ sở chế biến thủy sản tại xã Mường La hoặc Quỳnh Nhai.

2.4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, quản lý trong phát triển nông nghiệp; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ trong toàn ngành nông nghiệp; ưu tiên công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản - chế biến hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm chủ lực. Phấn đấu đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý, viện trường và doanh nghiệp trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

Triển khai ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ số và công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, IoT, GIS, dữ liệu lớn, thiết bị cảm biến, viễn thám và tự động hóa để giám sát vùng nguyên liệu, dự báo dịch bệnh, thời tiết, thiên tai; phục vụ quy hoạch phát triển, điều hành sản xuất và kiểm soát chất lượng nông sản. Từng bước hình thành nền nông nghiệp thông minh, tối ưu hóa quy trình canh tác, giảm chi phí và tăng hiệu quả.

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao hiệu quả hoạt động Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La; định hướng phát triển khu này trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, thử nghiệm, trình diễn và chuyển giao các giải pháp nông nghiệp hiện đại của tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao, đơn vị nghiên cứu, tổ chức khoa học tham gia đầu tư và hợp tác phát triển.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nguồn nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học....

Thực hiện tốt việc hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân dần hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hoá lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; có kiến thức và kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử; chủ động thích ứng biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh; có tinh thần trách nhiệm và hợp tác cùng phát triển. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp; tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn, hoà nhập vào chuỗi giá trị mới. Ưu tiên bồi dưỡng nguồn nhân lực cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.5. Tập trung hỗ trợ phát triển thị trường, dịch vụ cho sản phẩm nông sản của tỉnh

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản; gắn phát triển du lịch với giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản nhất là các sản phẩm chế biến nông sản đóng gói tại tỉnh thông qua hội chợ, hội nghị, diễn đàn thương mại xúc tiến đầu tư. Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cho các mặt hàng nông sản của tỉnh. Tạo mối liên hệ giữa nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phát triển nông sản hàng hóa thông qua liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông sản nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, trong đó quan tâm đặc biệt đến thị trường trọng điểm gần nước ta; tìm kiếm, khai thác các thị trường mới mà nông sản của tỉnh có lợi thế về chủng loại, chất lượng, mùa vụ. Xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm nông sản của tỉnh, tăng diện tích cấp mã số vùng trồng cho một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh.

Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; mở rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đưa nông sản của tỉnh đến với người tiêu dùng trên cả nước. Chủ động phòng, chống gian lận thương mại; có các biện pháp phòng vệ phù hợp với các cam kết quốc tế và kịp thời xử lý tranh chấp thương mại phát sinh.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

2.6. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, hạ tầng đồng bộ, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình, xã, phường hiện nay. Tập trung xây dựng, thực hiện hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm tính kết nối chặt chẽ, bổ trợ hài hoà, hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái ("*làng trong phố, phố trong làng*") gắn kết chuỗi giá trị trong và ngoài tỉnh, phù hợp với bản sắc văn hoá dân tộc, mở thêm dư địa về không gian, nguồn lực mới cho phát triển.

Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các xã, các nhóm dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, kết nối với đô thị, tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế; cung cấp nước sạch theo quy chuẩn; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai. Quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

2.7. Làm tốt công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường đổi mới và sử dụng công nghệ tiên tiến tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào sản xuất. Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo và cảnh báo thiên tai ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp về sử dụng đất đúng mục đích, phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Canh tác đúng kỹ thuật, thực hiện luân canh, tăng vụ, rải vụ...

Tổ chức quản lý tốt nguồn nước của lưu vực sông Đà, sông Mã, các lưu vực nhỏ và hệ thống thủy lợi bảo đảm quá trình khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước. Quản lý chặt chẽ, an toàn, sử dụng hiệu quả các hồ chứa, áp dụng các công nghệ tưới cải tiến, tiết kiệm.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học.

Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên

nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... ; đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn.

2.8. Rà soát, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh

Cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, luật và văn bản của Trung ương thành các văn bản của tỉnh để triển khai thực hiện bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Có chính sách về đất đai, hỗ trợ sản xuất, thu hút, huy động sức mạnh của người dân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn và hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, người dân trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Nghiên cứu có cơ chế ưu đãi, khuyến khích, thúc đẩy quá trình "*xuất khẩu ngành nông nghiệp*" để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của tỉnh.

Tổ chức thực hiện tốt việc ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên khoa học - công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng biến đổi khí hậu trong mọi khâu của quá trình sản xuất, bảo quản, chế biến, logistics và thương mại; coi đây là động lực then chốt phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp của tỉnh.

2.9. Tập trung xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Tập trung đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường đồng bộ với các hạ tầng chiến lược khác theo hướng hiện đại, đa mục tiêu; phân đấu đầu tư ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cho nông nghiệp, nông thôn tăng ít nhất gấp 2 lần giai đoạn 2011 - 2020. Rà soát, đánh giá gắn với quy định cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã để thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót, phục vụ tốt hơn cho người dân và cộng đồng dân cư nông thôn.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và xây dựng Nông thôn mới.

Bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng tại các vùng chuyển đổi, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chăn nuôi trang trại, vùng sản xuất nông nghiệp gắn với bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm vùng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo sản xuất hiệu quả, bền vững; xây mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến kè chống sạt lở bờ sông bảo đảm an toàn phòng chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường tùy điều kiện cụ thể của địa bàn, cơ quan, đơn vị mình lựa chọn các hình thức tuyên truyền phù hợp như: Tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền lồng ghép gắn với sinh hoạt kỷ niệm ngày truyền thống; sinh hoạt câu lạc bộ, tọa đàm, giao lưu gặp mặt, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ... Tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử, **Fanpage, Facebook, Zalo ..** của các cơ quan, đơn vị.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường phối hợp với Ban Xây dựng Đảng đảng uỷ xã, phường xây dựng kế hoạch tuyên truyền đảm bảo mục đích, yêu cầu, phù hợp với nhiệm vụ chung và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- BTT Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức thành viên Mặt trận tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường
- Các ban, Văn phòng Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lưu: VT, (*Nguyễn Thanh*).

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Lương Tâm